TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H** Số: 12 /2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *V, ngày 09 tháng 03 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:157/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: anh Nguyễn Thành K – SN: 1989.

HKTT tại: thôn N, xã C, huyện V, tỉnh H

Bị đơn: Chị Trần Thị T – SN: 1998.

HKTT tại: thôn Ng, xã C, huyện V, tỉnh H

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: cháu Nguyễn Bảo N -SN: 21/01/2018.

HKTT tại: thôn N, xã C, huyện V, tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,58,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 03 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 03 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Nguyễn Thành K và chị Trần Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận anh Nguyễn Thành K và chị Trần Thị T đều xin thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chấp nhận anh Nguyễn Thành K và Chị Trần Thị T tự nguyện tự thỏa thuận với nhau giao cháu Nguyễn Bảo N –SN: 21/01/2018 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh K tự nguyện không yêu cầu cô T phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng anh.

Chị Trần Thị T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở quyền

này.

Về tài sản chung vợ chồng, về ruộng nông nghiệp, về công nợ, về công sức: anh Nguyễn Thành K và chị Trần Thị T xác định anh chị không có và tự nguyện không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: anh Nguyễn Thành K tự nguyện xin chịu cả 150.000 tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000309 ngày 05/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lâm anh K đã nộp đủ. Trả lại cho anh K 150.000 đồng

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *UBND xã C ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Văn T